



PHÂN TÍCH ĐỘNG CƠ VÀ CHIẾN THUẬT TẠO ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN BẬC SAU ĐẠI HỌC TRONG LỚP ANH VĂN KHÔNG CHUYÊN

Trần Thị Phương Thảo¹ và Nguyễn Thành Đức²

¹ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

² Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 18/10/2012

Ngày chấp nhận: 25/03/2013

Title:

An analysis of post-graduates motivation and motivated learning strategies in a non-major English course

Từ khóa:

Động cơ, nội động cơ, ngoại động cơ, chiến thuật học tập

Keywords:

Motivation, intrinsic, extrinsic, learning strategies

ABSTRACT

English as a foreign language (EFL) education has just received a wide attention for decades and learners motivation has been studied. From a psychological perspective, without sufficient motivation, even the brightest learners are unlikely to persist long enough to attain any really useful language. For that reason, there are numerous studies on motivational aspect on university students. Unfortunately, little research on such issue has been carried out in post-graduate (Master students) teaching contexts. To fill the gap of that body of knowledge, this research measures motivation and motivated learning strategies of Master students learning non-major English at Can Tho university. The 19 item questionnaire was adapted from the Motivated Strategies for Learning Questionnaire (MSLQ) to measure intrinsic and extrinsic motivation and motivated learning strategies used by 282 post-graduate learners. The findings are found and pedagogical suggestions are made to improve students academic achievement in crowded classrooms.

TÓM TẮT

Dưới ánh sáng của tâm lý giáo dục, khi người học thiếu động cơ học tập thì họ khó có thể tập trung và duy trì công việc tiếp thu ngoại ngữ một cách tích cực trong buổi học. Do vậy đã có nhiều nghiên cứu về lĩnh vực động cơ học tiếng Anh. Phần nhiều các nghiên cứu về lĩnh vực này tập trung vào đối tượng là sinh viên bậc đại học. Vì lý do trên đề tài nghiên cứu của chúng tôi tập trung khảo sát động cơ và chiến thuật học tập tiếng Anh không chuyên theo khung tham chiếu Châu Âu của học viên bậc sau đại học tại Trường Đại học Cần Thơ. 282 học viên bậc sau đại học tham gia trả lời Bảng hỏi các chiến thuật động cơ học tập. Kết quả nghiên cứu và đề xuất trong giảng dạy tiếng Anh được chúng tôi trình bày chi tiết dưới đây.

1 GIỚI THIỆU

Theo ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục, điều quan trọng là giáo viên phải hiểu là người ta học vì lý do nào. Trong thực tiễn, Constanta & Madela (2011) và Reiss (2012) đã

chứng minh rằng người học bị hai yếu tố chi phối: *nội động cơ* và *ngoại động cơ*.

Khi người học thực hiện các hoạt động để thỏa mãn trí tò mò, thích thú hoặc đam mê học là người học có *nội động cơ*. Mặc dù *nội động*

cơ hình thành từ chính trong người học nhưng nó có thể bị một số yếu tố ảnh hưởng: năng lực tự định hướng, tính tự chủ, và khen thưởng (Constanta & Madela, 2011; Reiss, 2012). Động cơ thúc đẩy người học tiến hành các hoạt động vì những hoạt động đó sẽ mang lại họ những kết quả cụ thể chẳng hạn: được điểm giỏi, được người khác khen ngợi hoặc được khen thưởng thì gọi là *ngoại động cơ*. Một khi có ngoại động cơ trong học tập thì người học sẽ tham gia tích cực các hoạt động học tập bởi vì bản thân họ muốn đạt được một kết quả cụ thể nào đó.

Trong từng buổi học, sự thành công của các phương pháp sư phạm lệ thuộc vào chỗ người học có thích thú hay không, thích thú đến mức độ nào (Bernaus and Gardner, 2008). Bên cạnh đó động cơ học tập có mối tương quan tích cực đến phát triển tư duy phân tích, phê phán, khả năng tự chủ của người học (Spratt, Humphreys & Chan, 2002 and Murphy, Holleran, Long & Zeruth, 2005). Theo Spratt, Humphreys và Chan (2002), động cơ học tập chính là lý do để giải thích tại sao người học lại nhiệt tình, thích thú, tích cực, không cảm thấy áp lực khi tham gia các hoạt động học tập.

Chiến thuật học tập được biết đến như là các kỹ thuật, phương tiện, cách tư duy và ứng xử mà người học sử dụng trong suốt quá trình học tập để lĩnh hội kiến thức (Weinstein and Mayer, 1986). Chiến thuật học ngôn ngữ được định nghĩa là “chuỗi hành động, ứng xử, các bước thực hiện hoặc biện pháp kỹ thuật mà người học sử dụng một cách có chủ ý để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Những chiến thuật này giúp tạo điều kiện thuận lợi phát huy năng lực nội tại và làm tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ mới. Chiến thuật học tập là công cụ phát huy tính tự nguyện cần thiết để phát triển năng lực giao tiếp” (Oxford 2002, p.124).

Cụ thể, trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, bức tranh nghiên cứu động cơ và chiến thuật học đã được phác họa trên toàn thế giới. Kormos, Csizér, Menyhárt và Török (2008); và Hsieh and Schallert (2008) đã phát hiện động cơ học tập là động và luôn thay đổi trong quá trình học tập lâu dài. Cheng-Chang và Chang (2009) và Feng (2010) cũng đã phát hiện có

một sự quan hệ giữa chiến thuật học và động cơ sử dụng các chiến thuật. Tuy nhiên các nghiên cứu đó tập trung vào nhóm sinh viên bậc đại học (họ chưa ra trường và chưa đi làm). Để bổ sung thêm vào bức tranh trên chúng tôi đi tìm hiểu đối tượng là bậc sau đại học và đề tài nghiên cứu của chúng tôi nhằm mục đích điều tra động cơ và các chiến thuật tạo động cơ học của sinh viên cao học. Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, chúng tôi đi tìm câu trả lời cho ba câu hỏi sau đây:

- Học viên cao học sử dụng nội động cơ hay ngoại động cơ nhiều hơn?
- Học viên cao học sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập ở mức độ nào trong khi học tiếng Anh?
- Sinh viên cao học sử dụng chiến thuật tạo động lực học tập nào nhiều nhất?

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu bao gồm 282 học viên sau đại học tham gia lớp học tiếng Anh theo cấp độ B1 chuẩn Châu Âu tại Khoa Sau đại học, Đại học Cần Thơ. Theo Khung Tham chiếu Châu Âu (Common European Framework of Reference), năng lực của người học ngoại ngữ được đánh giá dựa trên 6 cấp độ từ thấp nhất đến cao nhất là A1, A2, B1, B2, C1 và C2. Người học cấp độ B1(cấp độ 3/6) có khả năng hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi... Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra trong giao tiếp. Có khả năng sử dụng các câu liên kết đơn giản trong các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc liên quan đến sở thích cá nhân. Có thể miêu tả các sự kiện, các trải nghiệm, giấc mơ, ước ao hay tham vọng của mình và đưa ra những nguyên nhân, giải thích cho các ý kiến và dự định đó.

Chương trình Anh văn này kéo dài 90 tiết bao gồm bốn kỹ năng: nghe, nói, viết, đọc hiểu. Tất cả đều ở bậc Thạc sĩ đang học nhiều chuyên ngành khác nhau: sư phạm Toán, Vật lý, Pháp văn, Luật, Kinh tế, Môi trường, Nông nghiệp, Thủy sản, Công nghệ Thông tin, tại Đại học

Cần Thơ. Phần lớn đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và hiện đang có công việc làm ở nhiều lĩnh vực khác nhau, tuổi từ 23 đến 43 và có thời gian học tiếng Anh trên 10 năm.

2.2 Thiết kế

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế khảo sát mô tả để thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi cải biên từ *Bảng câu hỏi về chiến thuật và động cơ học tập* (Pintrich, Smith, Garcia, & McKeachie, 1991). Phần một của bảng câu hỏi thu thập thông tin cơ bản về đối tượng nghiên cứu bao gồm tuổi, giới tính, chuyên ngành và số năm học tiếng Anh, lĩnh vực làm việc và nơi cư trú. Phần hai của bảng câu hỏi bao gồm 19 câu hỏi thu thập thông tin về tần suất đúng của từng câu hỏi đối với cá nhân người học. Câu hỏi số 1 đến 8 điều tra về động cơ học tập (câu 1 đến câu 4 điều tra nội động cơ và câu 5 đến 8 điều tra ngoại động cơ) câu 14 đến 22 điều tra chiến thuật tạo động cơ học tập (câu 14 đến 18 về chiến thuật tư duy phê phán và câu 19 đến 22 điều tra năng lực tự điều chỉnh)

2.3 Các bước thực hiện

Bảng câu hỏi được thiết kế, dịch ra tiếng Việt và phát thử nghiệm cho hai giáo viên và 10 học viên (cả tiếng Anh và tiếng Việt) để thu thập ý kiến đánh giá về phần trình bày ngôn ngữ, nhằm giảm thiểu những thiếu sót có thể làm cho học viên hiểu lầm khi trả lời. Sau đó các học viên này không tham gia trả lời bảng câu hỏi chính thức.

Bảng câu hỏi được phát cho học viên vào tuần cuối cùng của khóa học, tháng 6 năm 2012. Trước khi trả lời, học viên được giải thích về mục đích của nghiên cứu này. Học viên mất 10

phút để hoàn thành phần trả lời.

3 KẾT QUẢ

Câu hỏi nghiên cứu 1: Học viên cao học sử dụng nội động cơ hay ngoại động cơ nhiều hơn?

Các số liệu thu thập sau khi phân tích (Bảng 1) cho thấy sinh viên cao học có động cơ học tiếng Anh không chuyên là nội động cơ nhiều hơn chứ không phải ngoại động cơ. Cụ thể, trị số trung bình nội động cơ là 3.62 (SD=0.85), trong khi ngoại động cơ là 3.30 (SD = 0.84).

Bảng 1: Trị số trung bình của nội động cơ và ngoại động cơ

	N Valid	Mean	SD
Nội động cơ	282	3.62	0.85
Ngoại động cơ	282	3.30	0.84

Câu hỏi nghiên cứu 2: Học viên cao học sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập ở mức độ nào trong khi học tiếng Anh?

Bảng 2 trình bày trị số trung bình biểu thị tần suất sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tiếng Anh. Với giá trị trung bình là 3.20 (SD = 0.57), sinh viên cao học là người sử dụng chiến thuật tạo động cơ học tập ở mức độ trung bình.

Bảng 2: Trị số trung bình biểu thị tần suất

	N Valid	Mean	SD
	282	3.20	0.57

Câu hỏi nghiên cứu 3: Sinh viên cao học sử dụng chiến thuật tạo động lực học tập nào nhiều nhất?

Bảng dưới đây trình bày năm chiến thuật được sử dụng nhiều nhất trong nhóm các chiến thuật tạo động cơ học tập.

Bảng 3: Năm chiến thuật được sử dụng nhiều nhất

No	Item	Mean	SD
Q17	Tôi cố gắng tạo mối liên hệ giữa các ý tưởng của bản thân và những gì tôi học được trong lớp này.	3.78	0.87
Q16	Tài liệu học tập chỉ là điểm khởi đầu cho tôi phát triển các ý tưởng của bản thân.	3.67	0.91
Q20	Tôi cố gắng hết sức để học tốt ngay cả khi tôi không thích những hoạt động mình tham gia.	3.56	0.98
Q15	Khi có một quy tắc, sự giải thích hay kết luận được đưa ra trong lớp, tôi cố gắng tìm hiểu xem điều đó có căn cứ thuyết phục không.	3.55	0.98
Q22	Ngay cả khi tài liệu học tập nhàm chán và không thú vị, tôi vẫn kiên trì học tập và hoàn thành.	3.65	1.09

4 THẢO LUẬN

Mục tiêu chung của nghiên cứu này là kiểm tra động cơ học tập nào thúc đẩy quá trình học tập và việc sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập trong giờ tiếng Anh của các học viên cao học.

4.1 Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất

Được đặt ra nhằm mục đích tìm tên gọi của nhóm động cơ nào ảnh hưởng lên người học. Từ số liệu đã thu thập được, các học viên cao học tham gia nghiên cứu này được kết luận là chịu ảnh hưởng của nội động cơ nhiều hơn ngoại động cơ. Cụ thể là người học nhận nhiều kích thích từ cảm giác được thử thách, sự tò mò và khả năng hiểu bài một cách trọn vẹn. Do đó, để đánh thức thái độ tích cực của người học, giáo viên nên chuẩn bị giáo án chu đáo và xây dựng các bài giảng hấp dẫn.

4.2 Câu hỏi nghiên cứu thứ hai

Giúp xác định và đánh giá việc sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập của đối tượng nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy những đối tượng tham gia nghiên cứu sử dụng các chiến thuật ở mức độ trung bình. Nói cách khác, các học viên cao học đã có nhận thức về việc sử dụng các chiến thuật tư duy phê bình và điều chỉnh nỗ lực khi học tiếng Anh trên lớp, tuy nhiên việc sử dụng còn hạn chế. Điều này có thể là do tuổi tác của một số học viên cao học gây khó khăn cho họ trong việc tư duy phê phán một cách có hiệu quả, hoặc một số học viên cao học đã quen với phương pháp học thụ động trong các lớp học truyền thống. Hơn thế nữa, họ học trong khi họ phải làm công việc trong cơ quan hoặc chăm sóc gia đình và con cái của họ. Cuối cùng, mức độ khó dễ và sự thu hút của tài liệu học cũng như nỗ lực của mỗi cá nhân cũng là nhân tố ảnh hưởng lên việc sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập.

4.3 Câu hỏi nghiên cứu thứ ba

Sau khi phân tích số liệu, chúng tôi thấy một số chiến thuật được nhiều học viên cao học sử dụng. Mặc dù nhóm đối tượng nghiên cứu này được kết luận là người sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học tập ở mức trung bình, một số

chiến thuật cụ thể được ghi nhận đạt trị số trung bình về sử dụng ở mức độ cao (giá trị trung bình lớn hơn 3.40). Chiến thuật được sử dụng phổ biến nhất là “Tôi cố gắng tạo mối liên hệ giữa các ý tưởng của bản thân và những gì tôi học được trong lớp” với giá trị trung bình là 3.78 (SD = 0,87). Việc người học tự tạo các liên kết giữa kinh nghiệm bản thân với nội dung kiến thức mới dẫn đầu danh sách các chiến thuật được sử dụng nhiều nhất là khá hợp lí. Điều đó là do chiến thuật này giúp người học hiểu bài một cách trọn vẹn cũng như giúp tăng cường việc ghi nhớ (Điểm này giống với chiến thuật nghĩ về các mối liên hệ giữa cái đã biết và cái mới khi học ngoại ngữ của Oxford (1990).

Chiến thuật thứ 16 “Tài liệu học tập chỉ là điểm khởi đầu cho tôi phát triển các ý tưởng của bản thân” đứng thứ hai trong danh sách với giá trị trung bình tương đối cao là 3.67 (SD = 0.91). Điều này có thể là do ở một số lớp học, thời gian giáo viên giảng bài dựa trên tài liệu học tập đóng vai trò quan trọng và chiếm nhiều thời gian nên người học thường ưu tiên sử dụng các tài liệu học tập đó làm điểm xuất phát để phát triển các ý tưởng. Người học cũng sử dụng chiến thuật thứ 20 và 22 ở mức độ cao có thể là do họ được thúc đẩy bởi một số ngoại động cơ, cụ thể là việc đạt điểm số cao hay việc thể hiện tốt trên lớp học.

5 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Chúng tôi đã có ba phát hiện ở học viên cao học trong khi học tiếng Anh không chuyên. Thứ nhất, những người học này bị nội động cơ ảnh hưởng nhiều hơn ngoại động cơ. Thứ hai, họ là người sử dụng các chiến thuật tạo động cơ học ở mức trung bình. Cuối cùng, có năm chiến thuật tạo động cơ học được họ sử dụng thường xuyên nhất.

Mặc dù chúng tôi đã xác định được rằng tài liệu học tập dù không thú vị, hay hoạt động trong lớp học nhằm chán nhưng họ đều kiên trì học tập. Hơn nữa kết quả nghiên cứu là cơ sở để hiểu rõ động cơ của học viên bậc sau đại học. Điều này chắc chắn giúp giáo viên duy trì động cơ của họ. Tuy nhiên giáo viên cần lưu ý làm mới động cơ cho người học bởi vì động cơ không dễ gì còn nguyên vẹn sau một thời gian dài học tập (Dörnyei, 2000). Cụ thể, để lôi cuốn

sự chú ý tham gia vào bài học, hay nói chính xác hơn, để tạo động cơ học tập mới trong mỗi buổi học cũng như sau này, giáo viên cần giới thiệu, hướng dẫn người học vận dụng nhiều chiến thuật tạo động cơ học tập khác nhau. Kiến nghị này dựa trên quan điểm: các chiến thuật học tập là có thể dùng để giảng dạy cho người học (Oxford, 1990; Larsen-Freeman, 1991; Cook, 2008).

Mối quan hệ giữa chiến thuật học tập và động cơ học tập cũng thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong các lĩnh vực tâm lý, khoa học giáo dục trong và ngoài nước. Chiến thuật học tập phù hợp là rất quan trọng đối với học ngoại ngữ vì nó dẫn đến thành công (Lessard-Clouston, 1997). Tuy nhiên, động cơ học tập có liên quan mật thiết đến việc lựa chọn và sử dụng các chiến thuật (Griffiths, 2004). Vì vậy, việc hướng dẫn, luyện tập các chiến thuật học tập không thể thành công tốt nếu người học không có động cơ hoặc giáo viên không thấu hiểu động cơ học tập của người học. Vì lẽ đó, giáo viên hiểu được động cơ và phong cách học của người học là rất cần thiết để có thể khuyến khích sử dụng một cách tối ưu các chiến thuật của từng người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bernaus, M., & Gardner, R. C. (2008). Teacher motivation strategies, student perceptions, student motivation, and English achievement. *The Modern Language Journal*, 92(3), 387-401. doi: 10.1111/j.1540-4781.2008.00753.x.
- Cheng-Chang, T. & Chang, I. C. (2009). *An examination of EFL vocabulary learning strategies of students at the University of Technology of Taiwan*. Retrieved July 23, 2012 from <http://www.americanscholarspress.com/content/IFOTS-Two-2009.pdf#page=32>.
- Common European Framework of Reference. Retrieved December 12, 2012 from <http://www.cambridgeesol.org/about/standards/cefr.html>
- Constanta, M. M., & Maria-Madela, A. (2011). Intrinsic and extrinsic motivation - An investigation of performance correlation. *Annals of Faculty of Economics*, 1(1), 671-677. Retrieved July 23, 2012 from <http://anale.steconomiceuoradea.ro/volume/2011/n1/086.pdf>.
- Cook, V. (2008). *Second language learning and language teaching*. USA: Oxford University Press.
- Dörnyei, Z. (2000). Motivation in action: Towards a process-oriented conceptualisation of student motivation. *British Journal of Educational Psychology*, 70(4), 519-538. doi: 10.1348/000709900158281.
- Feng, C. (2010). A correlational study of language learning motivation and strategies of Chinese undergraduate. *Canadian Social Science*, 6(4), 202-209.
- Griffiths, C., & St Helens, A. (2004). *Language learning strategies: Theory and research*. Centre for Research in International Education: AIS St Helens.
- Hsieh, P.-H. P., & Schallert, D. L. (2008). Implications from self-efficacy and attribution theories for an understanding of undergraduates' motivation in a foreign language course. *Contemporary Educational Psychology*, 33(4), 513-532. doi: 10.1016/j.cedpsych.2008.01.003.
- Kormos, J., Csizér, K., Menyhárt, A., & Török, D. (2008). 'Great expectations' the motivational profile of Hungarian English language students. *Arts and Humanities in Higher Education*, 7(1), 65-82.
- Larsen-Freeman, D. (1991). Second language acquisition research: Staking out the territory. *TESOL Quarterly*, 25(2), 315-350. doi: 10.2307/3587466.
- Lessard-Clouston, M. (1997). Language learning strategies: An overview for L2 teachers. *The Internet TESL Journal*, 3(12), 69-80.
- Murphy, P. K., Holleran, T. A., Long, J. F., & Zeruth, J. A. (2005). Examining the complex roles of motivation and text medium in the persuasion process. *Contemporary Educational Psychology*, 30(4), 418-438. doi: 10.1016/j.cedpsych.2005.05.001.
- Oxford, R L (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. New York: Newbury House.
- Oxford, R. L. (2002). Language learning strategies in a nutshell: Update and ESL suggestions. In J. C. Richards & W. A. Renandya (Eds.), *Methodology in language teaching*. UK: CUP.

16. Pintrich, P. R., Smith, D., García, T., & McKeachie, W. (1991). A manual for the use of the motivated strategies for learning questionnaire (MSLQ) (Technical Report No 91-B-004). Ann Arbor: University of Michigan Press.
17. Reiss, S. (2012). Intrinsic and extrinsic motivation. *Teaching of Psychology*, 39(2), 152-156. doi: 10.1177/0098628312437704.
18. Spratt, M., Humphreys, G., & Chan, V. (2002). Autonomy and motivation: Which comes first? *Language Teaching Research*, 6(3), 245-266. doi: 10.1191/1362168802lr106oa.
19. Weinstein, C., & Mayer, R. (1986). The teaching of learning strategies. In M.C. Wittrock (Ed.), *Handbook of Research on Teaching*. New York: Macmillan.